

Bản án số: 11/2019/HS-ST
Ngày 08/3/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI.

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Triệu Vĩnh Thái.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lý Thị Ngân.
2. Ông Hoàng Văn Thứ.

Thư ký phiên toà: Ông Bùi Văn Nam - Thư ký toà án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HS ngày 22/02/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn D, sinh ngày 07/10/1974, tại huyện N, tỉnh H.

Nơi cư trú: Thôn 5, xã Q, huyện H, tỉnh Q.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 7/12.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Nguyễn Văn L, sinh năm 1932 (đã chết); con bà Đặng Thị T, sinh năm 1935, hiện trú tại: xã Q, huyện H, tỉnh Q.

Vợ Phạm Thị H, sinh năm 1975, bị cáo có 02 con lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2004. Hiện đều trú tại: xã Q, huyện H, tỉnh Q.

Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Hiện bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam tại trại giam Công an tỉnh Quảng Ninh từ ngày 20/12/2018 đến nay - Có mặt.

Các bị hại: 1 - Ông Lý Văn L, sinh năm 1979 - Vắng mặt.

2 - Bà Vi Thị T, sinh năm 1980 - Vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của bà Vi Thị T: Ông Lý Văn L, sinh năm 1979 - Vắng mặt.

Đều cư trú tại: T, xã T, huyện V, tỉnh L.

3 - Ông Lý Văn P, sinh năm 1963 - Vắng mặt.

4 - Bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1965 - Vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị Đ: Ông Lý Văn P, sinh năm 1963 - Vắng mặt.

Đều cư trú tại: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1 - Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1981 - Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn 13, xã L, huyện V, tỉnh Y.

2 - Ông Bùi Văn T, sinh năm 1969 - Vắng mặt.
Nơi cư trú: Thôn 3, xã S, thị xã Q, tỉnh Q.
Người làm chứng: 1 - Ông Mai Văn T, sinh năm 1989 - Vắng mặt.
Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh L.
2 - Ông Lê Đại V, sinh năm 1972 - Vắng mặt.
Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh L.
3 - Ông Đỗ Văn B, sinh năm 1967 - Vắng mặt.
Nơi cư trú: Khu C, phường C, thị xã Q, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 17 giờ ngày 20/11/2018, Nguyễn Văn D đi xe khách lên xã B, huyện B, tỉnh L để chơi. Khoảng 05 giờ ngày 21/11/2018 thì D đến nút giao trạm thu phí IC 16 (thuộc địa phận xã T, huyện V), D đi bộ đến nhà bạn ở gần khu vực nút giao IC 16 để chơi nhưng bạn không có nhà nên đã tiếp tục đi vào đường liên thôn giáp với đường cao tốc. Trên đường đi D thấy có nhiều trâu được người dân buộc ở ven hành lang đường và gặm cầu cao tốc thuộc địa phận thôn N, xã T, huyện V nên đã nảy sinh ý định trộm cắp trâu để mang về tỉnh Q tiêu thụ. D gọi điện thoại và thuê xe ô tô của anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1981, nơi cư trú: Thôn 13 xã L, huyện V, tỉnh Y để trở trâu về tỉnh Q với giá 7.000.000đ và hẹn tối cùng ngày thì chở. Sau khi thuê được xe, D vào nhà trọ nghỉ chờ đến tối để đi trộm trâu. Khoảng 21 giờ ngày 21/11/2018, D đi theo đường liên thôn giáp với đường cao tốc thì thấy có một số con trâu đang được buộc tại đó. D tiếp tục đi theo đường liên thôn, cách gặm cầu khoảng 100m thì thấy có 6 - 7 con trâu đang buộc ở cọc cạnh hàng rào của Đường cao tốc. D đi đến vị trí một con trâu cái khoảng 05 tuổi của gia đình anh Lý Văn L, sinh năm 1979, nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện V, D tháo đầu dây thừng buộc ở cọc ra và dùng con dao mang theo cắt dây chuông vứt lại đó và dắt trâu đi. Khi đến gặm cầu đường cao tốc, D thấy có 01 con trâu cái khoảng 10 tuổi của gia đình anh Lý Văn P, sinh năm 1963, nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện V đang được buộc vào một hòn đá, D tháo đầu dây thừng buộc ở hòn đá ra và cắt dây chuông vứt lại rồi dắt 02 con trâu đi theo đường tỉnh lộ 151B về phía UBND xã T rồi buộc trâu giấu ở ven đường. Sau khi trộm cắp được 02 con trâu, D gọi điện cho anh Nguyễn Quốc T đến chở trâu. Anh T điều khiển xe ô tô BKS 34K-9394 đến vị trí D hẹn và cho trâu lên thùng xe, sau đó chở trâu về nhà anh Đỗ Văn B, sinh năm 1967, nơi cư trú: Khu C, phường C, thị xã Q, tỉnh Q làm nghề buôn bán trâu, bò bán nhưng anh B không mua. D đã vay anh B 7.000.000đ để trả tiền thuê xe cho anh T. Sau đó anh B gọi điện cho anh Bùi Văn T, sinh năm 1969, nơi cư trú thôn 3, xã S, thị xã Q, tỉnh Q đến mua trâu. Anh T đến gặp D và thỏa thuận mua 02 con trâu với giá 37.300.000đ. Sau khi mua bán xong D lấy ra 7.000.000đ trả cho anh B sau đó đi về nhà, D đã chi tiêu cá nhân một phần tiền bán trâu. Đến ngày 27/11/2018, Nguyễn Văn D đã đến Công an huyện Văn Bàn đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội, khi đến đầu thú D đã giao nộp 18.050.000đ; 01 dây

kim loại màu vàng; 01 ví da màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL vỏ màu đen.

Tại bản cáo trạng số: 10/CT-VKS ngày 24/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Văn Bàn quyết định truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Văn Bàn để xét xử bị cáo Nguyễn Văn D về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, qua thẩm vấn đã nêu quan điểm luận tội và đề nghị hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về trách nhiệm hình sự: - Hình phạt chính: Đề nghị căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt với bản án số 03/2019/ HSST ngày 29/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Về hình phạt bổ sung: Không.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự. Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn D tiếp tục phải bồi thường cho gia đình ông Lý Văn L 9.575.000đ; bồi thường cho gia đình ông Lý Văn P 7.575.000đ tiền thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

* Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự. Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL vỏ màu đen bên trong có lắp 02 sim là phương tiện phạm tội đã thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận lợi dụng sơ hở của các chủ sở hữu tối ngày 21/11/2018 Nguyễn Văn D đã trộm cắp 01 con trâu cái khoảng 05 tuổi của vợ chồng ông Lý Văn L, bà Vi Thị T và 01 con trâu cái khoảng 10 tuổi của vợ chồng ông Lý Văn P, bà Đặng Thị Đ ở thôn N, xã T, huyện V, tỉnh L rồi thuê xe ô tô BKS 34K-9394 của anh Nguyễn Quốc T chở 02 con trâu với giá 7.000.000đ về thị xã Q, tỉnh Q bán cho ông Bùi Văn T với giá 37.300.000đ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 31/KL-ĐGTS ngày 29/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Văn Bàn kết luận:

- Tại thời điểm tháng 11/2018 trên địa bàn xã T, huyện V 01 con trâu cái khoảng 05 tuổi, lông da màu đen, sừng dài khoảng 40cm, trâu khỏe mạnh bình thường có giá 24.000.000đ; 01 con trâu cái khoảng 10 tuổi, lông da màu đen, sừng dài khoảng 50cm, trâu khỏe mạnh bình thường, có giá 22.000.000đ.

Như vậy lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai các bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định ngày 21/11/2018, Nguyễn Văn D đã trộm cắp tài sản của người khác có tổng trị giá là 46.000.000đ (bốn mươi sáu triệu đồng). Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[2] Hội đồng xét xử đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo như sau: Hành vi của bị cáo đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Là người khỏe mạnh đã có gia đình nhưng bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, lười lao động nên có hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác để có tiền tiêu sài. Ngoài ra Nguyễn Văn D còn bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh ngày 25/10/2018 khởi tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự và ngày 17/12/2018 khởi tố về tội “Trốn khỏi nơi giam” theo khoản 1 Điều 386 Bộ luật hình sự. Vì vậy cần phải xử lý bị cáo với một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để cải tạo giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung. Mặt khác bị cáo Nguyễn Văn D ngày 29/01/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Nam Sách tỉnh Hải Dương xử phạt 14 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bản án đã có hiệu lực pháp luật nên cần tổng hợp hình phạt với bản án này theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại bản án số 03/2019/HSST ngày 29/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương đã xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 14 tháng tù về hành vi trộm cắp tài sản ngày 10/11/2018 tại huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương (bản án đã có hiệu lực pháp luật). Ngày 21/11/2018 bị cáo lại tiếp tục trộm cắp tại huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai nên đối với bản án số 03/2019/HSST ngày 29/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương chưa được coi là bị cáo đã có tiền án và bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thành khẩn khai báo; sau khi có hành vi vi phạm pháp luật đã ra đầu thú; bị cáo sống bằng nghề tự do thu nhập không ổn định không có tài sản gì. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt tù cho bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Đại diện gia đình bị hại ông Lý Văn L yêu cầu bị cáo phải bồi thường trị giá con trâu bị mất theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V là 24.000.000đ; Đại diện gia đình bị hại ông Lý Văn P yêu cầu bị cáo phải bồi thường trị giá con trâu bị mất theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V là 22.000.000đ. Sau khi bán 02 con trâu cho ông Bùi Văn T được 37.300.000đ một phần bị cáo D đã chi tiêu cá nhân, còn

lại sau khi ra đầu thú đã nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện Văn Bàn gồm 18.050.000đ và 03 chỉ vàng 9999 trị giá 10.800.000đ. Cơ quan điều tra Công an huyện Văn Bàn đã trả lại cho đại diện gia đình bị hại ông Lý Văn L 3.625.000đ và 03 chỉ vàng, tổng cộng là 14.425.000đ; trả cho đại diện gia đình ông Lý Văn P 14.425.000đ cần công nhận. Tại phiên tòa bị cáo chấp nhận yêu cầu bồi thường của đại diện người bị hại. Như vậy cần buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho gia đình ông Lý Văn L 9.575.000đ; tiếp tục bồi thường cho gia đình ông Lý Văn P 7.575.000đ.

[6] Về vật chứng:

- Đối với xe ô tô BKS - 34K 9394 nhãn hiệu HYUNDAI bị cáo Nguyễn Văn D thuê chở trâu trộm cắp đi bán với giá 7.000.000đ thuộc sở hữu của anh Nguyễn Quốc T, anh T không biết đây là tài sản do bị cáo D trộm cắp mà có, cơ quan điều tra Công an huyện Văn Bàn đã trả lại cho anh T là chủ sở hữu hợp pháp, việc giao dịch thuê xe là giao dịch dân sự hợp pháp. Số tiền thuê xe 7.000.000đ bị cáo D trả cho anh T, anh T đã chi tiêu cá nhân hết và không có yêu cầu gì nên không đề cập giải quyết.

- Đối với 01 đoạn dây thừng màu vàng dài 80cm; 01 đoạn dây thừng màu trắng dài 80cm và 02 chiếc chuông treo ở cổ trâu cơ quan điều tra đã thu giữ thuộc sở hữu của gia đình anh Lý Văn L và Lý Văn P. Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu nên không đề cập giải quyết.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL bên trong có lắp 02 sim của bị cáo D giao nộp khi ra đầu thú là phương tiện bị cáo dùng để liên lạc thuê xe chở trâu trộm cắp đi bán cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Đối với 01 ví giả da màu đen bị cáo giao nộp khi ra đầu thú không liên quan đến hành vi phạm tội, cơ quan điều tra Công an huyện Văn Bàn đã trả lại cho bị cáo nên không đề cập giải quyết.

- Đối với 02 con trâu bị cáo trộm cắp được bán cho ông Bùi Văn T, sau đó ông T bán lại cho một người qua đường không quen biết nên cơ quan điều tra không có căn cứ truy tìm; ông T không biết đây là tài sản trộm cắp mà có và không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với ông Bùi Văn T là phù hợp.

- Đối với ông Đỗ Văn B cho bị cáo D vay 7.000.000đ để bị cáo trả tiền thuê xe chở tài sản trộm cắp đi bán và gọi ông Bùi Văn T đến mua trâu của bị cáo D. Sau khi bán được trâu bị cáo đã trả ông B số tiền này, ông B không biết 02 con trâu bị cáo D bán là tài sản trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với ông Đỗ Văn B là phù hợp.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự vụ án theo quy định pháp luật.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục

quy định của bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt với bản án số 03/2019/HSST ngày 29/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xử phạt bị cáo 14 (mười bốn) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 (ba) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/12/2018 ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Trốn khỏi nơi giam”, khi chấp hành hình phạt tù được trừ đi 18 (mười tám) ngày đã bị tạm giữ, tạm giam về hành vi “Trộm cắp tài sản” tại huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh .

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự: Công nhận cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai trả lại cho gia đình bị hại ông Lý Văn L, bà Vi Thị T 14.425.000đ (*mười bốn triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng*); trả lại cho gia đình bị hại ông Lý Văn P, bà Đặng Thị Đ 14.425.000đ (*mười bốn triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Buộc bị cáo Nguyễn Văn D tiếp tục phải bồi thường cho vợ chồng ông Lý Văn L và bà Vi Thị T 9.575.000đ (*chín triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*); bồi thường cho vợ chồng ông Lý Văn P và bà Đặng Thị Đ 7.575.000đ (*bảy triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại điều 357 Bộ luật Dân sự;

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL vỏ màu đen bên trong có lắp 02 (hai) sim là phương tiện phạm tội đã thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn D.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 857.500đ (*tám trăm lăm bảy nghìn năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 1.057.500đ (*một triệu không trăm lăm bảy nghìn năm trăm đồng*) tiền án phí.

Báo cho bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh(01);
- VKSND tỉnh LC(01);
- VKSND huyện(01)
- Công an huyện(02);
- Bị cáo(01);
- Bị hại(04);
- Người có QLNVLQ(02);
- THAHS, THADS;
- Lưu HS, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Vĩnh Thái